TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST.
Ngày 19 - 10 - 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Quân.

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-KDTM, ngày 29 tháng 4 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Th. Địa chỉ trụ sở: Ph, Phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng Ng – Phó phòng KHCN kiêm phó phòng KHDN Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 602/QĐ. CNST ngày 28/9/2020 của Giám đốc Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng) *(Có mặt)*.

** Đồng bị đơn*:

1. Ngô Văn Nh, sinh năm: 1974 *(Vắng mặt)*.

2. Phạm Thị Tuyết M, sinh năm: 1978 *(Vắng mặt)*.

Cùng cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 9 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M có vay vốn tại Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 215/18/HĐTD2100-7516 ngày 27/4/2018 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 450.000.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng)*.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán phân bón và bách hóa tổng hợp.

- Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.

- Lãi suất: 10.98%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay thực tế.

- Lãi suất vay sẽ được thay đổi trong các trường hợp sau:

+ Sau mỗi 03 tháng kể từ ngày giải ngân (hiện nay là 11,5%/năm).

+ Khi Ngân hàng Nhà nước tăng lãi suất cơ bản của loại tiền đang vay.

+ Khi có thay đổi quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến lãi suất, mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay tăng lên.

- Trường hợp thay đổi lãi suất vay thì được tính như sau: Lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ 12 tháng của loại tiền đang vay, loại lãnh lãi cuối kỳ được công bố tại thời điểm thay đổi lãi suất vay cộng biên độ 3.78%/năm. Lãi suất vay sau khi được thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành.

- Hình thức thanh toán: Trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ.

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Phạt chậm nộp lãi: 0.05%/ngày.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 054/16/HĐTC-BĐS/2100-5448 ngày 12/4/2016 đã được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Ba Xuyên ngày 12/4/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Cù Lao Dung ngày 12/4/2016. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 750423, số vào sổ: H00686 do Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp cho ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M ngày 21/4/2009; Diện tích: 9.000m^2; Thửa đất số 68; Tờ bản đồ số: 06; Mục đích sử dụng: Cây hàng năm 9.000m^2; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 494520, số vào sổ: CH00298 do Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp cho ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M ngày 26/9/2014; Diện tích: 5.844m^2; Thửa đất số 168; Tờ bản đồ

số: 06; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình vay vốn ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M đã vi phạm hợp đồng đã ký kết. Đến hạn thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông bà cũng đã nhiều lần cam kết, nhưng không thực hiện đúng cam kết. Tính đến ngày 19/10/2020 DL, ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M còn nợ Ngân hàng Th số tiền gốc và tiền lãi như sau: Số tiền gốc là 450.000.000 đồng; số tiền lãi quá hạn là 115.790.625 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 565.790.625 đồng.

Nay Ngân hàng Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Th số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 565.790.625 đồng (Trong đó tiền gốc là 450.000.000 đồng; số tiền lãi quá hạn là 115.790.625 đồng) và tiền lãi phát sinh tính tiếp từ ngày 20/10/2020 DL cho đến ngày ông Nh và bà M thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng Th theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 17,25%/năm.

Trường hợp ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 054/16/HĐTC-BĐS/2100-5448 ngày 12/4/2016 để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

* Đồng bị đơn là ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, ông Nh và bà M không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Nh và bà M.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp thuộc tranh chấp dân sự cho đúng quy định của pháp luật. Việc xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với đồng bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 317, điều 318, điều 319, điều 323, điều 422, điều 427, điều 500, điều 502 của Bộ luật dân sự 2015; các điều 166, điều 167 và điều 170 của Luật đất đai năm 2013; Điều 27 và Điều 37

của Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc đồng bị đơn phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 565.790.625 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/10/2020 DL cho đến ngày ông Nh và bà M trả tất nợ cho Ngân hàng; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản là: Quyền sử dụng đất số AO 750423, số vào sổ: H00686 do Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp cho ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M ngày 21/4/2009; Diện tích: 9.000m^2; Thửa đất số 68; Tờ bản đồ số: 06; Mục đích sử dụng: Cây hàng năm 9.000m^2; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Quyền sử dụng đất số BT 494520, số vào sổ: CH00298 do Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp cho ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M ngày 26/9/2014; Diện tích: 5.844m^2; Thửa đất số 168; Tờ bản đồ số: 06; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 054/16/HĐTC-BĐS/2100-5448 ngày 12/4/2016 đã được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Ba Xuyên ngày 12/4/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Cù Lao Dung ngày 12/4/2016. Về án phí và các khoản chi phí khác buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M là đồng bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M.

- Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Ngân hàng Th thì vào ngày 27/4/2018 giữa Ngân hàng Th với ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M có ký kết hợp đồng tín dụng số: 215/18/HĐTD2100-7516 ngày 27/4/2018, theo đó Ngân hàng cho ông Nh và bà M vay vốn số tiền là 450.000.000 đồng. Do ông Nh và bà M vi phạm hợp đồng không trả tiền đúng hạn cho Ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nh và bà M phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả tiền cho Ngân hàng. Tòa án thụ lý xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy nguyên đơn Ngân hàng Th (là tổ chức có đăng ký kinh doanh) yêu cầu đồng bị đơn (ông Nh và bà M) không có đăng ký kinh doanh trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định là tranh chấp về kinh doanh, thương mại và thụ lý vụ án kinh doanh thương mại là chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân

sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật trong vụ án: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết cũng là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án*:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M có vay vốn tại Ngân hàng Th – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 215/18/HĐTD2100-7516 ngày 27/4/2018 với số tiền vay: 450.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán phân bón và bách hóa tổng hợp; Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất là 10.98%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay thực tế, quá trình thực hiện hợp đồng lãi suất có thay đổi tăng lên là 11,5%/năm. Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 054/16/HĐTC-BĐS/2100-5448 ngày 12/4/2016 đã được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Ba Xuyên ngày 12/4/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Cù Lao Dung ngày 12/4/2016. Tài sản thế chấp bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 750423, số vào sổ: H00686 do Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp cho ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M ngày 21/4/2009; Diện tích: 9.000m^2; Thửa đất số 68; Tờ bản đồ số: 06; Mục đích sử dụng: Cây hàng năm 9.000m^2; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 494520, số vào sổ: CH00298 do Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp cho ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M ngày 26/9/2014; Diện tích: 5.844m^2; Thửa đất số 168; Tờ bản đồ số: 06; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình vay vốn ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M đã vi phạm hợp đồng đã ký kết. Đến hạn thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông bà cũng đã nhiều lần cam kết, nhưng không thực hiện đúng cam kết. Tính đến ngày 19/10/2020 DL, ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M còn nợ Ngân hàng Th số tiền gốc và tiền lãi như sau: Số tiền gốc là 450.000.000 đồng; số tiền lãi quá hạn là 115.790.625 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 565.790.625 đồng.

Nay Ngân hàng Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Th số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 565.790.625 đồng (Trong đó tiền gốc là 450.000.000 đồng; số tiền lãi quá hạn là 115.790.625 đồng) và tiền lãi phát sinh tính tiếp từ ngày 20/10/2020 DL cho đến khi ông Nh và bà M thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng Th theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 17,25%/năm.

Trường hợp ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế

chấp bảo đảm nợ vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 054/16/HĐTC-BĐS/2100-5448 ngày 12/4/2016 để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Để chứng minh cho việc ông Nh và bà M vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án các chứng cứ: 01 (Một) Bộ hồ sơ vay vốn (Bản sao y); 01 (Một) Bản kê tính lãi (Bản chính) và các giấy tờ khác có liên quan. Sau khi nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng Th, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th và Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Nh và bà M, nhưng ông Nh và bà M không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

- Đối với bị đơn là ông Ngô Văn Nh sau khi nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng Th, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th và Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Nh, nhưng ông Nh không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th. Do đó, Hội đồng xét xử xem như ông Nh đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

- Đối với bị đơn là bà Phạm Thị Tuyết M sau khi nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng Th, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th và Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà M, nhưng bà M không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th. Do đó, Hội đồng xét xử xem như bà M đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa Ngân hàng Th và ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M có ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 215/18/HĐTD/2100-7516 ngày 27/4/2018, theo đó Ngân hàng đã cho ông Nh và bà M vay số tiền gốc là 450.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất là 10.98%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay thực tế, quá trình thực hiện hợp đồng lãi suất có thay đổi tăng lên là 11,5%/năm. Khi vay thì ông Nh và bà M đã dùng tài sản để thế chấp cho khoản nợ vay. Tài sản thế chấp bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 750423, số vào sổ: H00686 do Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp cho ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M ngày 21/4/2009; Diện tích: 9.000m^2; Thửa đất số 68; Tờ bản đồ số: 06; Mục đích sử dụng: Cây hàng năm 9.000m^2; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 494520, số vào sổ: CH00298 do Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp cho ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M ngày 26/9/2014; Diện tích: 5.844m^2; Thửa đất số 168; Tờ bản đồ số: 06; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 054/16/HĐTC-BĐS/2100-5448 ngày 12/4/2016 giữa Ngân

hàng Th với ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M. Từ khi vay đến ngày đáo hạn trả nợ ông Nh và bà M không hoàn trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 19/10/2020 DL ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 450.000.000 đồng, tiền lãi là 115.790.625 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi là 565.790.625 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện Ngân hàng Th không phải chứng minh. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

Xét thấy về hình thức và nội dụng, trình tự thủ tục các văn bản này là phù hợp theo quy định, nên có giá trị làm chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Th cho rằng ông Ngô Văn Nh, bà Phạm Thị Tuyết M có vay số tiền gốc là 450.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 215/18/HĐTD2100-7516 ngày 27/4/2018 là phù hợp với thực tế khách quan và có căn cứ pháp luật.

Xét về nội dung: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 215/18/HĐTD/2100-7516 ngày 27/4/2018 giữa Ngân hàng Th với ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính, cho nên Hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý thực hiện.

Theo đại diện cho Ngân hàng trình bày, cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nh và bà M số tiền là 450.000.000 đồng là đủ số vốn vay theo Hợp đồng. Ông Nh và bà M phải cùng thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng hàng tháng và trả tất vốn vay khi hết hạn hợp đồng. Sau khi vay ông Nh và bà M không thực hiện việc trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng. Xét thấy, ông Nh và bà M thực hiện không đúng theo giao kết, đã vi phạm Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông Nh, bà M là người có lỗi và là người vi phạm Hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nh, bà M cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ là đúng theo quy định tại Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Th tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/10/2020 DL là 565.790.625 đồng và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 20/10/2020 DL cho đến khi ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 17,25%/năm. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ

chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, người đại diện của Ngân hàng yêu cầu ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/10/2020 DL là 565.790.625 đồng và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 20/10/2020 DL cho đến khi ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 17,25%/năm là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính. Vì vậy, cần xử buộc ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Th số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 19/10/2020 DL là 565.790.625 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 450.000.000 đồng; Tiền lãi quá hạn là 115.790.625 đồng) và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 20/10/2020 DL cho đến khi ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 17,25%/năm.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng tín dụng nêu trên, tại theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 054/16/HĐTC-BĐS/2100 - 5448 ngày 12/4/2016 giữa Ngân hàng Th với ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M. Tài sản thế chấp bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 750423, số vào sổ: H00686 do Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp cho ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M ngày 21/4/2009; Diện tích: 9.000m^2; Thửa đất số 68; Tờ bản đồ số: 06; Mục đích sử dụng: Cây hàng năm 9.000m^2; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 494520, số vào sổ: CH00298 do Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp cho ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M ngày 26/9/2014; Diện tích: 5.844m^2; Thửa đất số 168; Tờ bản đồ số: 06; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Xét thấy, về hình thức và nội dung hợp đồng, về thẩm quyền công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại các điều 317, điều

318, điều 319, điều 323, điều 500, điều 502 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, điều 167 và điều 170 của Luật đất đai năm 2013, nên Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Trong Hợp đồng thế chấp các bên có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa Hội đồng xét xử không đặt ra việc xử lý tài sản thế chấp ngay; Đến khi án có hiệu lực pháp luật, khi Ngân hàng có đơn yêu cầu Thi hành án thì ông Nh và bà M phải tự nguyện trả số tiền nợ nêu trên; Nếu không tự nguyện thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 054/16/HĐTC-BĐS/2100-5448 ngày 12/4/2016 giữa Ngân hàng Th với ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định tại các điều 500 và điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 của Luật đất đai năm 2013.

[3]Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M phải cùng có trách nhiệm liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.631.625 đồng; Ngân hàng Th không phải nộp tiền án phí sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009778 ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M phải cùng có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 700.000 đồng *(Bảy trăm ngàn đồng),* số tiền này Ngân hàng Th đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T20 ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng Th số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 700.000 đồng *(Bảy trăm ngàn đồng)*.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 317, 318, 319, 323, 422, 427, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 166, 167 và 170 của Luật đất đai năm 2013; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Án lệ số: 08/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

- Buộc ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Th số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 19/10/2020 DL là 565.790.625 đồng *(Năm trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng)* và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 20/10/2020 DL cho đến khi ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 17,25%/năm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Th về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Đến khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Th có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M phải tự nguyện trả số tiền nêu trên; Nếu ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng Th có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất số AO 750423, số vào sổ: H00686 do Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp cho ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M ngày 21/4/2009; Diện tích: 9.000m^2; Thửa đất số 68; Tờ bản đồ số: 06; Mục đích sử dụng: Cây hàng năm 9.000m^2; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Quyền sử dụng đất số BT 494520, số vào sổ: CH00298 do Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp cho ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M ngày 26/9/2014; Diện tích: 5.844m^2; Thửa đất số 168; Tờ bản đồ số: 06; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 054/16/HĐTC-BĐS/2100-5448 ngày 12/4/2016 giữa Ngân hàng Th với ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M để thu hồi nợ.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M phải cùng có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 700.000 đồng *(Bảy trăm ngàn đồng),* số tiền này

Ngân hàng Th đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T20 ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng Th số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 700.000 đồng *(Bảy trăm ngàn đồng)*.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M phải cùng có trách nhiệm liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.631.625 đồng *(Hai mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi mốt ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng);* Ngân hàng Th không phải nộp tiền án phí sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009778 ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Ngân hàng Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đồng bị đơn ông Ngô Văn Nh và bà Phạm Thị Tuyết M không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên